

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-01-2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đình Mùi;

2. Ông: Dương Trung Lợi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thúy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2021/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56<sup>a</sup>/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt- Có đơn xin vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh **Hà Văn L**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt không có lý do”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn Chị **Đinh Thị T** vắng mặt tại phiên tòa. Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai chị **Đinh Thị T** trình bày: Chị và anh **Hà Văn L** đăng ký kết hôn ngày 21/02/2003 tại UBND thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V. Chị T và anh L chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L hay uống rượu, lười lao động, không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, từ năm 2006, anh L đuổi Chị T nên Chị T về tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện V, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh L có hai con chung là Hà Thị Chi sinh ngày 20/6/2001 và Hà Văn Thành, sinh ngày 10/3/2003. Hiện nay con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hà Văn L không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh đối với tổ trưởng tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V cho biết: Chị T và anh L là vợ chồng, lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện V. Sau khi kết hôn, Trong quá trình chung sống tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V. Chị Đinh Thị T và anh Hà Văn L có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L lười lao động, không chịu làm ăn, chị T không chịu được đã bỏ về thôn Đ, thị trấn S cho đến nay, vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay. Anh L và Chị T có 02 con chung đều đã trưởng thành. Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và các giấy triệu tập ông Đinh Văn M đã giao cho anh Hà Văn L theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh đối với bà Vũ Thị Th là mẹ anh Hà Văn L cho biết: Chị T và anh L là vợ chồng, lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện V. Sau khi kết hôn, Trong quá trình chung sống tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V. Chị T và anh L có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L lười lao động, không chịu làm ăn, chị Lũy về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay. Anh L biết việc Chị T xin ly hôn nhưng anh L không đến Tòa án. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị T được ly hôn. Anh L và Chị T có 02 con chung đều đã trưởng thành.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn được Tòa án tổng đạt các văn bản và triệu tập công khai chứng cứ, hòa giải hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình,

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Hà Văn L.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Hà Văn L có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giao giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56<sup>a</sup>/2021/QĐXXST-HNGĐ nhưng anh Xuân vắng mặt không lý do. Tòa án tiếp tục tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại phiên tòa hôm nay anh Hà Văn L không có mặt, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị T và anh Hà Văn L kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống Chị Đinh Thị T và anh Hà Văn L nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh L thường bỏ nhà đi chơi, rượu chè cờ bạc về muộn, nhiều lúc còn đi qua đêm, lười làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình, con cái. Chị T có động viên nhắc nhở thì anh L không nghe thậm chí còn đánh chửi Chị T, Mâu thuẫn xảy ra anh L có làm bản cam kết sửa đổi lỗi lầm tuy nhiên cho đến nay anh không thay đổi bản thân.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa Chị T và anh L thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của Chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh L có 02 con chung là Hà Văn Thành, sinh ngày 10/3/2003 và Hà Thị Chi sinh ngày 20/6/2001 con chung đã trưởng thành không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng;

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho Chị Đinh Thị T được ly hôn anh Hà Văn L.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng ( *Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000788 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị T và anh Hà Văn L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn S;
- Lưu HS.

**Trần Thành Long**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thành Long**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thành Long**

